

BAN TỔ CHỨC BÁN ĐÁU GIÁ CỔ PHẦN CỦA TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC TẠI CTCP THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ TIỀM NĂNG NÊN THAM KHẢO BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN NÀY VÀ QUY CHẾ BÁN ĐÁU GIÁ TRƯỚC KHI QUYẾT ĐỊNH ĐĂNG KÝ THAM GIA ĐÁU GIÁ. VIỆC CHÀO BÁN CỔ PHẦN NÀY KHÔNG PHẢI LÀ ĐỢT CHÀO BÁN ĐỂ HUY ĐỘNG VỐN CHO CÔNG TY MÀ CHỈ LÀM THAY ĐỔI TỶ LỆ SỞ HỮU TRONG CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ

SCIC **CHÔNG LAM THAY ĐỔI MỨC VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ CỦA CÔNG TY**

ĐẾN 15-09-2016

2968

Số CV đến:.....

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

ĐÁU GIÁ CỔ PHẦN CỦA TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU



SCIC

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC

Địa chỉ: Tầng 23, Tòa nhà Charmvit, số 117 Trần Duy Hưng, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (08) 3824 0703 Fax: (08) 6278 0136



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 47 Ba Cu, phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Điện thoại: (064) 3852653

Fax: (064) 3852647



DONGA.
Securities

CÔNG TY TNHH MTV CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á

Địa chỉ: Tầng 2 và 3 tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 2, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 3833 6333 Fax: (08) 3835 1919

TP. HCM, tháng 09 năm 2016

BAN TỔ CHỨC BÁN ĐÁU GIÁ CỔ PHẦN CỦA TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC TẠI CTCP THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ TIỀM NĂNG NÊN THAM KHẢO BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN NÀY VÀ QUY CHẾ BÁN ĐÁU GIÁ TRƯỚC KHI QUYẾT ĐỊNH ĐĂNG KÝ THAM GIA ĐÁU GIÁ. VIỆC CHÀO BÁN CỔ PHẦN NÀY KHÔNG PHẢI LÀ ĐỢT CHÀO BÁN ĐỂ HUY ĐỘNG VỐN CHO CÔNG TY MÀ CHỈ LÀM THAY ĐỔI TỶ LỆ SỞ HỮU TRONG CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ KHÔNG LÀM THAY ĐỔI MỨC VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ CỦA CÔNG TY

SCIC Chi nhánh phía Nam

ĐẾN 15-09-2016

Số CV đến:

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

ĐÁU GIÁ CỔ PHẦN CỦA TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

TỔ CHỨC CHÀO BÁN CỔ PHẦN



SCIC

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC

Địa chỉ: Tầng 23, Tòa nhà Charmvit, số 117 Trần Duy Hưng, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (08) 3824 0703 Fax: (08) 6278 0136

TỔ CHỨC CHÀO BÁN CỔ PHẦN



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 47 Ba Cu, phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điện thoại: (064) 3852653

Fax: (064) 3852647

TỔ CHỨC CHÀO BÁN CỔ PHẦN



DONGA
Securities

CÔNG TY TNHH MTV CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á

Địa chỉ: Tầng 2 và 3 tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 2, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 3833 6333 Fax: (08) 3835 1919

TP. HCM, tháng 09 năm 2016

THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHẦN CỦA TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC

1. Thông tin về tổ chức phát hành

- Tên công ty : CTCP Thương mại Tổng hợp Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Tên viết tắt : GETRACO
- Địa chỉ : 47 Ba Cu, phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Điện thoại : (064) 3852653
- Fax : (064) 3852647
- Vốn điều lệ hiện tại : 30.135.540.000 đồng
- Tổng số cổ phần : 3.013.554 cổ phần
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần
- Ngành nghề kinh doanh : Kinh doanh xuất khẩu tổng hợp, dịch vụ dầu khí, dịch vụ nhà đất, kinh doanh thương mại, dịch vụ du lịch, xây dựng công trình dân dụng giao thông, xuất khẩu lao động...

2. Thông tin về đợt chào bán

- Tổ chức chào bán cổ phần : Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước
- Tên cổ phần chào bán : Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Loại cổ phần chào bán : Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng
- Tổng số lượng chào bán : 461.716 cổ phần
- Phương thức chào bán : Bán đấu giá công khai cả lô
- Chuyển quyền sở hữu : Chuyển nhượng trực tiếp tại Tổ chức phát hành

3. Tổ chức thu vốn bán đấu giá

CÔNG TY TNHH MTV CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á

Địa chỉ: Tầng 2 và 3 tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 2, quận 3, Tp.HCM

Điện thoại: (08) 3833 6333 Fax: (08) 3835 1919

Website: www.dag.vn

MỤC LỤC

| | |
|---|----|
| I. CĂN CỨ PHÁP LÝ | 6 |
| II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO | 7 |
| 1. Rủi ro kinh tế..... | 7 |
| 1.1. Rủi ro về tốc độ tăng trưởng kinh tế | 7 |
| 1.2. Rủi ro lạm phát..... | 8 |
| 1.3. Rủi ro lãi suất | 9 |
| 2. Rủi ro về luật pháp..... | 9 |
| 3. Rủi ro cạnh tranh | 10 |
| 4. Rủi ro từ đợt chào bán..... | 10 |
| 5. Rủi ro khác..... | 10 |
| III. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN..... | 11 |
| 1. Tổ chức phát hành: | 11 |
| 2. Tổ chức tư vấn bán đấu giá..... | 11 |
| IV. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT | 12 |
| V. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY | 13 |
| 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển | 13 |
| 1.1. Quá trình hình thành và phát triển | 13 |
| 1.2. Giới thiệu về Công ty | 13 |
| 1.3. Cơ cấu vốn cổ phần | 14 |
| 1.4. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ | 15 |
| 1.5. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty trở lên | 15 |
| 1.6. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức xin chào bán, những công ty mà tổ chức chào bán đang giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối với tổ chức chào bán | 16 |
| 2. Cơ cấu tổ chức của Công ty..... | 16 |
| 3. Hoạt động kinh doanh của Công ty..... | 19 |
| 4. Doanh thu, lợi nhuận của Công ty qua các năm | 19 |
| 4.1. Doanh thu..... | 19 |
| 4.2. Lợi nhuận của Công ty qua các năm..... | 21 |
| 5. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền, tiêu chuẩn chất lượng | 21 |
| 6. Hoạt động tiếp thị, quảng bá thương hiệu | 21 |
| 7. Trình độ công nghệ | 21 |
| 8. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ..... | 22 |



| | |
|---|-----------|
| 9. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giai đoạn 2013 – Quý I/2016 | 22 |
| 10. Phân tích SWOT | 22 |
| 11. Triển vọng phát triển của ngành | 23 |
| 12. Chính sách đối với người lao động | 24 |
| 12.1. Cơ cấu lao động..... | 24 |
| 12.2. Chính sách tiền lương, thưởng, trợ cấp, phúc lợi..... | 24 |
| 12.3. Chính sách đào tạo và tuyển dụng | 25 |
| 12.4. Các hoạt động đoàn thể xã hội..... | 25 |
| 13. Chính sách cổ tức | 25 |
| 14. Tình hình tài chính..... | 26 |
| 14.1. Các chỉ tiêu cơ bản..... | 26 |
| 14.1.1.Niên độ kế toán..... | 26 |
| 14.1.2.Trích khấu hao TSCĐ..... | 26 |
| 14.1.3.Thanh toán các khoản nợ đến hạn..... | 26 |
| 14.1.4.Các khoản phải nộp theo luật định..... | 26 |
| 14.1.5.Trích lập các quỹ theo luật định..... | 26 |
| 14.1.6.Tình hình công nợ..... | 27 |
| 14.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu..... | 28 |
| 15. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát..... | 29 |
| 15.1. Hội đồng quản trị..... | 29 |
| 15.2. Ban Giám đốc, Kế toán trưởng | 29 |
| 15.3. Ban Kiểm soát | 30 |
| 16. Tài sản | 30 |
| 17. Tình hình sử dụng đất đai của Công ty..... | 31 |
| VI.THÔNG TIN VỀ VIỆC BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN | 32 |
| 1. Những thông tin cơ bản về cổ phiếu được đấu giá..... | 32 |
| 2. Mục đích của việc chào bán..... | 34 |
| 3. Địa điểm công bố thông tin..... | 34 |
| 4. Đối tượng tham gia đấu giá và các quy định liên quan | 34 |
| 5. Nộp Đơn đăng ký tham gia đấu giá | 35 |
| 6. Lập và nộp Phiếu tham dự đấu giá..... | 36 |
| 7. Làm thủ tục chuyển nhượng cổ phần..... | 36 |
| VII. THAY LỜI KẾT..... | 36 |

DANH MỤC BẢNG

| | |
|---|----|
| Bảng 1: Cơ cấu vốn cổ phần..... | 14 |
| Bảng 2: Danh sách cổ đông sáng lập tại thời điểm 20/7/2016 | 15 |
| Bảng 3: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần trở lên | 15 |
| Bảng 4: Tăng trưởng doanh thu qua các năm..... | 19 |
| Bảng 5: Doanh thu các hoạt động kinh doanh của GETRACO | 20 |
| Bảng 6: Tỷ trọng các khoản mục chi phí của Công ty so với Tổng doanh thu | 20 |
| Bảng 07: Lợi nhuận sau thuế và tỷ suất sinh lợi trên doanh thu thuần | 21 |
| Bảng 08: Một số chỉ tiêu về kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty | 22 |
| Bảng 09: Cơ cấu lao động | 24 |
| Bảng 10: Tình hình chi trả cổ tức của Công ty qua các năm..... | 26 |
| Bảng 11: Số dư các quỹ tại mỗi thời điểm | 27 |
| Bảng 12: Các khoản phải thu..... | 27 |
| Bảng 13: Chi tiết các khoản phải trả qua các năm của Công ty | 27 |
| Bảng 14: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu | 28 |
| Bảng 15: Danh sách thành viên hội đồng quản trị..... | 29 |
| Bảng 16: Danh sách Ban Giám đốc và Kế toán trưởng..... | 29 |
| Bảng 17: Danh sách Ban kiểm soát | 30 |
| Bảng 18: Giá trị Tài sản cố định của Công ty theo BCTC tại ngày 30/06/2016..... | 30 |
| Bảng 19: Danh mục tài sản cố định tiêu biểu của Công ty tại thời điểm 30/06/2016... | 30 |

DANH MỤC HÌNH

| | |
|--|----|
| Hình 1: Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty..... | 17 |
|--|----|

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán 62/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2010.
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/6/2006.
- Luật Doanh nghiệp 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Nghị định số 57/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước;
- Nghị định 151/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước.
- Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán.
- Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
- Quyết định số 06/QĐ-ĐTKDV.HĐQT ngày 11/04/2014 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước về việc ban hành Quy chế bán cổ phần của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước tại doanh nghiệp.
- Quyết định số 375/QĐ-ĐTKDV ngày 06/09/2016 của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước về việc bán phần vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công văn số 1974/ĐTKDV-CNPN ngày 06/09/2016 của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước về việc đấu giá cổ phần của SCIC tại Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Hợp đồng và các phụ lục hợp đồng tư vấn giữa Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) và Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á số 55/2011/HĐ/TV/DAS ký ngày 01/08/2011 về việc tổ chức bán đấu giá cổ phần của SCIC tại Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

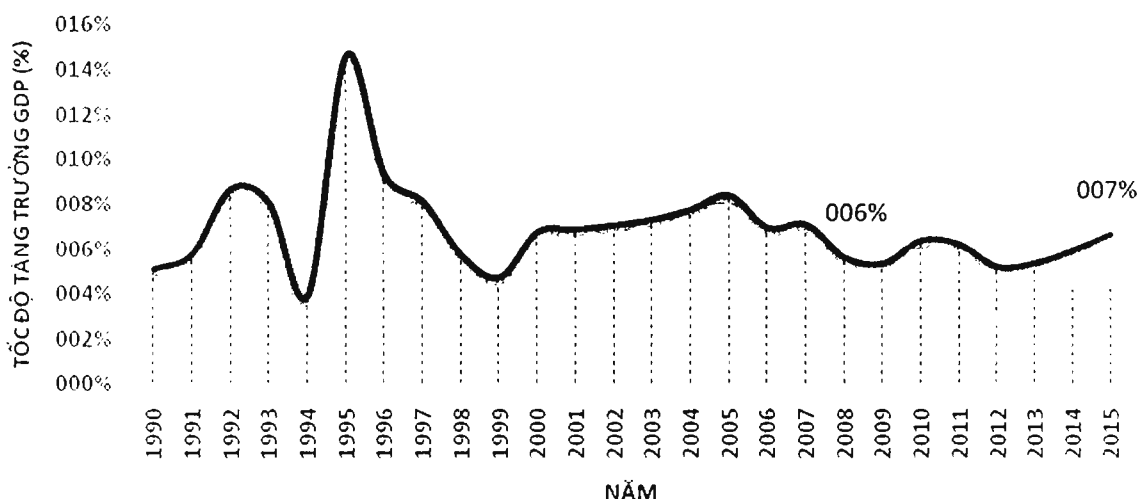
1. Rủi ro kinh tế

1.1. Rủi ro về tốc độ tăng trưởng kinh tế

Sự ổn định và vững mạnh của nền kinh tế trong nước cũng như thế giới là điều kiện hết sức quan trọng và cần thiết cho việc thực hiện mục tiêu phát triển của các doanh nghiệp trong nước.

Khủng hoảng tài chính năm 2008 bắt nguồn từ Mỹ đã tác động khá lớn đến sự phát triển của hầu hết các nước trên thế giới. Tính theo giá so sánh năm 2010, tốc độ tăng trưởng GDP năm 2007 của Việt Nam đạt 7,13% và giảm xuống mức 5,66% vào năm 2008. Năm 2012, tốc độ tăng trưởng GDP tiếp tục giảm xuống mức thấp hơn ở mức 5,25%. Qua năm 2013, nền kinh tế bắt đầu có dấu hiệu phục hồi trở lại, tốc độ tăng trưởng GDP đạt 5,42%. Đến năm 2014, tình hình kinh tế trong nước và quốc tế có nhiều tiến triển khả quan với những con số ấn tượng. GDP quý I/2014 tăng 5,06%, quý II/2014 tăng 5,34%, quý III/2014 tăng 6,07%, quý IV/2014 tăng 6,96%. Bên cạnh đó, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu năm 2014 ước tính đạt 150 tỷ USD, tăng 13,6% so với năm 2013. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 48,4 tỷ USD, tăng 10,4%, mức tăng cao nhất từ năm 2012. Năm 2015 nói riêng và giai đoạn 2011-2015 nói chung đánh dấu sự hồi phục mạnh mẽ trong sức khỏe của nền kinh tế và đánh dấu một bước ngoặt lớn trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam khi chứng kiến hàng loạt các hiệp định thương mại tự do được ký kết. Vẫn còn đó rủi ro từ sự đi xuống của Trung Quốc, động thái tăng lãi suất của Mỹ (gây lo ngại về sự dịch chuyển dòng vốn tại các thị trường mới nổi) hay những mâu thuẫn dài hạn cốt yếu thuộc về địa chính trị từ Nga - Mỹ - Trung Quốc - Trung Đông,... Tuy nhiên nền kinh tế Việt Nam lại được xem là điểm sáng khi thu được các tín hiệu vĩ mô hết sức tích cực. Con số đáng chú ý nhất đến từ tốc độ tăng trưởng GDP năm 2015, đạt 6,68%, cao nhất từ năm 2008 (theo giá so sánh năm 2010). Ngoài ra, mục tiêu của nhà nước ta trong đầu năm 2016 về việc tập trung phát triển công nghiệp hỗ trợ, tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, hình thành các khu công nghiệp hỗ trợ theo cụm liên kết ngành. Phát triển vững chắc, hiệu quả và từng bước hình thành tổ hợp công nghiệp quốc phòng, an ninh. Phát triển ngành xây dựng đạt trình độ tiên tiến, có khả năng cạnh tranh quốc tế. Phát triển mạnh công nghiệp vật liệu xây dựng, nhất là vật liệu mới, chất lượng cao. Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng công nghiệp, xây dựng bình quân khoảng 8,0-8,5%/năm; đến năm 2020 tỷ trọng công nghiệp, xây dựng trong GDP khoảng 40%. Những dấu hiệu trên có thể cho thấy một cái nhìn khả quan về tình hình kinh tế trong thời gian sắp tới. Tuy nhiên, những khó khăn trong sản xuất kinh doanh chưa được giải quyết triệt để, những yếu kém nội tại của nền kinh tế vẫn chậm được khắc phục bên cạnh những biến động khó lường của giá dầu và nền kinh tế thế giới, chắc chắn sẽ là những yếu tố tác động đáng kể đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung, Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu nói riêng trong thời gian tới.

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG GDP QUA CÁC NĂM (GIÁ SO SÁNH 2010)

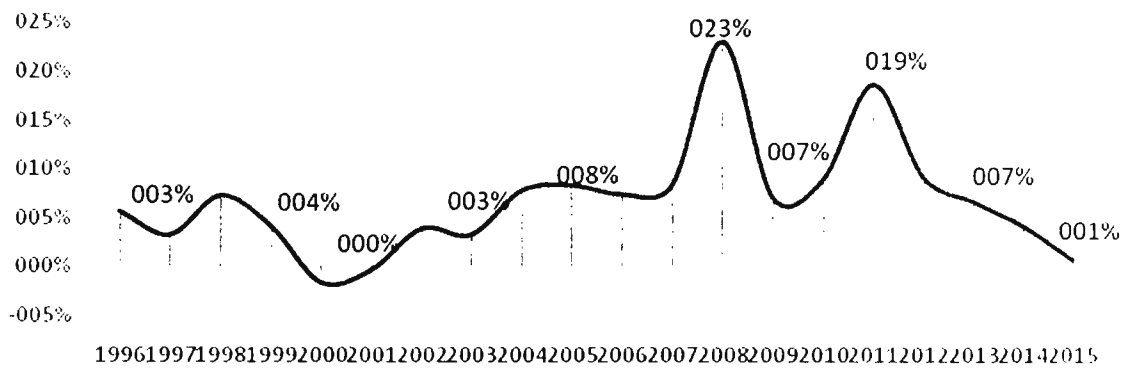


(Nguồn: Thống kê Tài chính quốc tế IFS của Quỹ tiền tệ quốc tế - IMF)

1.2. Rủi ro lạm phát

Lạm phát là một vấn đề vĩ mô mà bất cứ doanh nghiệp nào cũng phải quan tâm khi hoạt động trong một nền kinh tế. Bất kể lạm phát do chi phí đẩy hay cầu kéo thì chúng cũng tác động đến sức mua của người tiêu dùng, chi phí của doanh nghiệp,... tác động trực tiếp đến tình hình hoạt động của doanh nghiệp. Năm 2015, Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng thấp nhất trong nhiều năm trở lại đây, chỉ ở mức 0,63%. Lạm phát được duy trì ở mức thấp, thấp hơn tăng trưởng GDP và thấp hơn mức mục tiêu đề ra là 5%, nguyên nhân được xác định đến từ sự giảm giá của hai nhóm mặt hàng năng lượng và lương thực, vốn đóng góp một tỷ lệ đáng kể trong rổ hàng hóa tính CPI. Việc giá dầu giảm tạo thách thức rất lớn đối với nguồn thu ngân sách trong bối cảnh thâm hụt ngân sách nhà nước đang ở mức báo động, tuy nhiên yếu tố này cũng giúp doanh nghiệp giảm chi phí đầu vào, từ đó nói rộng biên lợi nhuận. Hơn nữa, diễn biến giá năng lượng đóng góp vào việc lạm phát chỉ tăng thấp hơn 1% (do chi phí đẩy tăng thấp) khiến giảm bớt lo ngại về nguy cơ giảm phát và tạo tiền đề để ổn định chính sách tiền tệ. Bước sang năm 2016, theo Tổng cục Thống kê, CPI tháng 6 năm 2016 tăng 0,46% so với tháng trước, tăng 2,4% so với cùng kỳ năm trước và tăng 2,35% so với tháng 12 năm trước. Việc CPI tăng mạnh trong 6 tháng đầu năm nay có thể sẽ chấm dứt tình trạng CPI giảm dần trong các năm từ 2011 cho tới nay, đồng thời tạo ra gánh nặng trong cuộc kiểm soát giá cả. Chính sách điều hành tỷ giá và mặt bằng lãi suất trong thời gian tới sẽ là những nhân tố cần được quan tâm, theo sát để điều hành cho phù hợp với diễn biến thị trường và thực hiện mục tiêu kiểm soát lạm phát như đã đề ra.

LẠM PHÁT VIỆT NAM QUA CÁC NĂM (SO VỚI CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC)



(Nguồn: Thống kê Tài chính quốc tế IFS của Quỹ tiền tệ quốc tế - IMF)

2. Rủi ro lãi suất

Năm công cụ để điều hành chính sách tiền tệ của quốc gia gồm: Tái cấp vốn, Lãi suất (lãi suất tái cấp vốn, lãi suất cơ bản và các loại lãi suất khác), Tỷ giá hối đoái, Tỷ lệ dự trữ bắt buộc và Nghiệp vụ thị trường mở, trong đó Lãi suất được xem là một trong những công cụ quan trọng nhất và hữu dụng hàng đầu của chính sách tiền tệ. Đứng về khía cạnh là Doanh nghiệp có những chi phí phát sinh từ vay và nợ ngắn hạn, rõ ràng việc lãi suất biến động sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến dòng tiền từ hoạt động tài chính. Trong năm 2015, với điều thị trường diễn biến thuận lợi, lãi suất cho vay của các tổ chức ngân hàng được điều chỉnh theo xu hướng giảm để hỗ trợ cho sự phát triển của nền kinh tế. Tại Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/05/2016 về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020 mà Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc ban hành, Ngân hàng Nhà nước sẽ phối hợp với các cơ quan có liên quan để tham gia vào việc điều hành chính sách tiền tệ chủ động linh hoạt, chặt chẽ, duy trì mặt bằng lãi suất thị trường ở mức hợp lý. Bước sang Quý I/2016, mặt bằng lãi suất có xu hướng gia tăng tuy nhiên tốc độ tăng không đáng kể, bên cạnh nỗ lực của Ngân hàng nhà nước trong việc kiểm chế lãi suất ở mức hợp lý sẽ là tiền đề tiếp theo để Getraco tiếp tục cắt giảm các chi phí tài chính của mình và đem lại một môi trường tài chính lành mạnh hơn.

3. Rủi ro về luật pháp

Hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, Công ty chịu sự điều chỉnh trực tiếp của Luật doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành. Là một đất nước đang phát triển, các thể chế, chính sách cũng như pháp luật của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện nên thường có sự thay đổi. Chính sách và pháp luật có tác dụng định hướng phát triển chung cho nền kinh tế cũng như cho các doanh nghiệp. Do đó, mỗi thay đổi về mặt chính sách và pháp luật có thể tạo cơ hội hay rủi ro cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Bất động sản là tài sản quan trọng của mỗi quốc gia, các quan hệ giao dịch Bất động sản thường có tác động mạnh đến hầu hết những hoạt động kinh tế xã hội. Do đó bất động sản chịu sự chi phối mạnh mẽ của pháp luật và sự quản lý của Nhà nước. Trong đầu tư nhất là lĩnh vực bất động sản, rủi ro pháp lý dù chỉ là nhỏ nhất cũng có thể giết chết nhà đầu tư... Rủi ro xảy ra trong quá trình thẩm định năng lực pháp lý của chủ đầu

Đơn vị tư vấn

tư khi không có đủ hồ sơ chứng minh năng lực pháp lý theo quy định hiện hành. Các tài liệu chứng minh năng lực pháp lý của chủ đầu tư gồm: hồ sơ pháp lý, báo cáo hoạt động kinh doanh, tài liệu tham khảo khác

4. Rủi ro cạnh tranh

Lĩnh vực kinh doanh bất động sản đang là lĩnh vực kinh doanh nhạy cảm, chứa đựng nhiều rủi ro thách thức. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, khi thị trường bất động sản tiếp tục trầm lắng sau một thời gian dài đóng băng do chịu ảnh hưởng nặng nề từ cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới và sự tăng trưởng quá nóng trong giai đoạn trước đó, các doanh nghiệp kinh doanh bất động sản đang đối mặt với thách thức vô cùng to lớn trong việc duy trì hoạt động kinh doanh. Nhu cầu tiêu thụ giảm sút trong điều kiện kinh tế khó khăn, sức ép giảm giá bán đang đè nặng lên vai các doanh nghiệp nhằm cải thiện doanh thu và tăng thêm dòng tiền cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên, đối với Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp Bà Rịa – Vũng Tàu, hoạt động kinh doanh bất động sản vẫn chiếm tỷ trọng khiêm tốn trong cơ cấu doanh thu của Công ty. Do đó, tác động bất lợi từ thị trường bất động sản đến Công ty sẽ được bù đắp thông qua hoạt động thương mại và cung cấp dịch vụ.

5. Rủi ro từ đợt chào bán

Với thực trạng hiện nay, thị trường chứng khoán Việt Nam đang trong thời kỳ điều chỉnh sau một thời gian dài tăng trưởng liên tục. Do đó tâm lý của các nhà đầu tư chưa thật sự ổn định và đang chờ đợi những động thái tích cực hơn của Chính phủ và dấu hiệu lạc quan hơn từ nền kinh tế. Việc chào bán cổ phần ra công chúng vào thời điểm này sẽ gặp một số khó khăn và bất lợi nhất định. Tuy nhiên, những dấu hiệu khả quan của nền kinh tế với các chính sách điều tiết hợp lý của Chính phủ thời gian gần đây và niềm tin dường như phần nào được lấy lại nơi các nhà đầu tư có thể hứa hẹn sự trở lại sôi động hơn của thị trường chứng khoán trong thời gian sắp tới.

Ngoài ra, do cổ phiếu của Công ty cổ phần Thương mại tổng hợp Bà Rịa – Vũng Tàu chưa đưa vào giao dịch tập trung nên tính thanh khoản kém hơn so với các Công ty hoạt động trong cùng lĩnh vực có cổ phiếu niêm yết trên Sở GDCK Hà Nội và Sở GDCK TP. Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, nếu nhà đầu tư thận trọng xem xét và đánh giá về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty thì sẽ có nhận định hợp lý về giá trị thực về cổ phiếu của Công ty.

6. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro kể trên, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty còn chịu ảnh hưởng bởi một số rủi ro bất khả kháng như: rủi ro thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, rủi ro biến động chính trị, xã hội... Các rủi ro này có thể tác động đến chất lượng và tiến độ thi công các công trình, dịch vụ.

III. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Tổ chức phát hành:

CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU

Địa chỉ : 47 Ba Cu, TP. Vũng Tàu, Phường 1, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Điện thoại : (064) 385 2244

Fax : (064) 385 2647

Chúng tôi xác nhận rằng SCIC là cổ đông có quyền sở hữu đầy đủ và hợp pháp đối với số cổ phần chào bán và đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý. Việc chào bán cổ phần này không phải là đợt chào bán để huy động vốn cho Công ty mà chỉ làm thay đổi tỷ lệ sở hữu trong cơ cấu cổ đông và không làm thay đổi mức vốn điều lệ đã đăng ký của Công ty.

2. Tổ chức tư vấn bán đấu giá

CÔNG TY TNHH MTV CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á

Địa chỉ: Tầng 2 và 3 tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, P.2, Q.3, Tp.HCM

Điện thoại: (84-8) 3833 6333 Fax: (84-8) 3835 1919

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ bán cổ phần của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia lập và công bố trên cơ sở Hợp đồng số 55/2011/HĐ/TV/DAS ngày 01/08/2011 ký giữa Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước và Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Đông Á. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản công bố thông tin này được phản ánh trung thực dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cung cấp. Bản Công bố thông tin này chỉ có giá trị để tham khảo.

IV. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

| Khái niệm/Từ viết tắt | Giải nghĩa |
|-------------------------|---|
| Ban tổ chức bán đấu giá | Đại diện Công ty cổ phần Thương mại tổng hợp Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và đại diện tổ chức tư vấn được thành lập để thực hiện việc bán đấu giá vốn của SCIC ra bên ngoài và các công việc liên quan khác |
| GETRACO | Công ty cổ phần Thương mại tổng hợp Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu |
| Công ty | Công ty cổ phần Thương mại tổng hợp Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu |
| CTCP | Công ty cổ phần |
| HĐQT | Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thương mại tổng hợp Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu |
| BKS | Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thương mại tổng hợp Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu |
| Tổ chức tư vấn | Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á (Đông Á) |
| Tổ chức phát hành | Công ty cổ phần Thương mại tổng hợp Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu |
| UBND | Ủy ban nhân dân |
| TNDN | Thu nhập doanh nghiệp |
| BCTC | Báo cáo tài chính |
| CNĐKDN | Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp |
| HĐLĐ | Hợp đồng lao động |
| SCIC | Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước |
| CBCNV | Cán bộ Công nhân viên |

V. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Quá trình hình thành và phát triển

Công Ty cổ phần Thương mại tổng hợp Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu được hình thành trên cơ sở hợp nhất 03 công ty: Công ty Thương nghiệp tổng hợp, Công ty Thương nghiệp phục vụ dầu khí và Công ty Nông sản Thực phẩm theo Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 1992 của UBND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Công ty được thành lập với tổng số vốn kinh doanh ban đầu là 8.552.652.000 đồng và là một doanh nghiệp nhà nước có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, hạch toán kinh tế độc lập, được phép xuất khẩu và hợp tác đầu tư liên doanh liên kết với các thành phần kinh tế trong và ngoài nước theo pháp luật.

Thực hiện chủ trương cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn Tỉnh, đến tháng 09/2004 Công ty chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần theo Quyết định số 8843/QĐ-UB ngày 06 tháng 01 năm 2003 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu với tổng vốn điều lệ là 7.517.700.000 đồng (*Bảy tỷ năm trăm mười bảy triệu bảy trăm ngàn đồng chẵn*), trong đó nhà Nước nắm giữ 51% vốn điều lệ.

Sau khi thực hiện cổ phần hóa, doanh số lợi nhuận và quy mô hoạt động của Công ty liên tục phát triển và dành được tín nhiệm của nhiều khách hàng trong và ngoài nước. Nhằm mở rộng và phát triển kinh doanh đến tháng 11 năm 2007, Công ty cổ phần Thương mại tổng hợp Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã nâng vốn điều lệ lên 20.827.634.607 đồng theo Quyết định số 12/QĐ-ĐHĐCĐ. Mức vốn điều lệ hiện nay của Công ty là 30.135.540.000 đồng.

1.2. Giới thiệu về Công ty

- Tổ chức phát hành : **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**
- Tên giao dịch : **General Trading Joint Stock Company of Ba Ria Vung Tau Province**
- Tên viết tắt : **GETRACO**
- Trụ sở chính : **47 Ba Cu, Tp. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.**
- Điện thoại : **(064) 3852244**
- Fax : **(064) 3852647**
- Website : **<http://getracocorp.com.vn>**
- Vốn điều lệ : **30.135.540.000 đồng**
- Ngành, nghề kinh doanh:

- Bán hàng công nghiệp, tiêu dùng là đại lý bán hàng cho xí nghiệp quốc doanh;
- Mua bán vật tư trang thiết bị máy móc phục vụ ngành dầu khí, kinh doanh xăng dầu;
- Kinh doanh nhà đất, dịch vụ vận chuyển hàng hóa;
- Dịch vụ sửa chữa tàu biển, giàn khoan và gia công cơ khí phục vụ dầu khí;
- Tổ chức đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, đào tạo giáo dục định hướng cho người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng cung ứng lao động;
- Xây dựng công trình dân dụng, giao thông công nghiệp, xây dựng công trình điện đến 110KV;
- Kinh doanh máy móc thiết bị vật tư và nguyên liệu phục tùng phục vụ sản xuất xây dựng;
- Kinh doanh các sản phẩm hóa học, nguyên phụ liệu các ngành nhựa, công nghệ phẩm phân bón, thực phẩm dành cho chăn nuôi gia súc;
- Mua bán sắt thép phế liệu, xử lý chất thải công nghiệp, nước thải sinh hoạt;
- Khai thác cát sỏi đá xây dựng, duy tu khai thông luồng lạch đường thủy;
- Dịch vụ khai thác cảng nội địa;
- Mua bán ô tô (cũ và mới);
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ.

1.3. Cơ cấu vốn cổ phần

Cơ cấu vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tại thời điểm 20/07/2016:

Bảng 1: Cơ cấu vốn cổ phần

| Cổ đông | Số lượng cổ phần | Giá trị cổ phần (đồng) | Tỷ lệ (100%) |
|------------------|------------------|------------------------|----------------|
| 1. Trong nước | | | |
| - Vốn nhà nước | 461.716 | 4.617.160.000 | 15,32 % |
| - Trong công ty | 1.166.020 | 11.660.200.000 | 38,69 % |
| - Ngoài Công ty | 1.385.818 | 13.858.180.000 | 45,99 % |
| 2. Nước ngoài | | | |
| Tổng cộng | 3.013.554 | 30.135.540.000 | 100,00% |
| 1. Cá nhân | 2.519.418 | 25.194.180.000 | 83,60 % |
| 2. Tổ chức | 494.136 | 4.941.360.000 | 16,40 % |
| Tổng cộng | 3.013.554 | 30.135.540.000 | 100,00% |

Nguồn: GETRACO

1.4. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ

Bảng 2: Danh sách cổ đông sáng lập tại thời điểm 20/7/2016

| TT | Tên Cổ đông | Số cổ phần | Tỷ lệ |
|------------------|---------------------|------------------|----------------|
| 1 | Trần Ngọc Trinh | 573.920 | 19,04 % |
| 2 | Hoàng Lợi | 50.935 | 1,69 % |
| 3 | Lê Trọng Đạt | 51.917 | 1,72 % |
| 4 | Vũ Công Trình | 188.823 | 6,27 % |
| 5 | Vốn Nhà nước (SCIC) | 461.716 | 15,32 % |
| 6 | Hà Thị Kim Dung | 246.543 | 8,18 % |
| Tổng Cộng | | 1.573.854 | 52,22 % |

Nguồn: GETRACO

1.5. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty trở lên

Tính đến thời điểm 20/7/2016, danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty CP Thương mại Tổng hợp Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu như sau:

Bảng 3: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần trở lên

| Tên cổ đông | Địa chỉ | Số CP | Giá trị (đồng) | %/Vốn cổ phần |
|------------------|--|------------------|-----------------------|----------------|
| SCIC | 117 Trần Duy Hưng, Q. Cầu Giấy, Hà Nội | 461.716 | 4.617.160.000 | 15,32 % |
| Hà Thị Kim Dung | 100 Bình Giã, P.8, TP.Vũng Tàu | 246.543 | 2.465.430.000 | 8,18 % |
| Vũ Công Trình | 144 lý Thường Kiệt, P1, TP.vũng Tàu | 188.823 | 1.888.230.000 | 6,27 % |
| Trần Ngọc Trinh | 180 Lê Lai, P.4, Tp. Hồ Chí Minh | 573.920 | 5.739.200.000 | 19,04 % |
| Tổng cộng | | 1.471.002 | 14.710.020.000 | 48,81 % |

Nguồn: GETRACO

- 1.6. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức xin chào bán, những công ty mà tổ chức chào bán đang giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối với tổ chức chào bán

| STT | Tên Công ty | Loại hình đầu tư | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|---|--------------------|--------------|
| 1 | Công ty Cổ phần thực phẩm suất ăn công nghiệp và DVTH Phước Lộc | Công ty liên kết | 35 % |
| 2 | Công ty TNHH Rau tươi Phước Lộc Đà Lạt | Công ty liên doanh | 33 % |

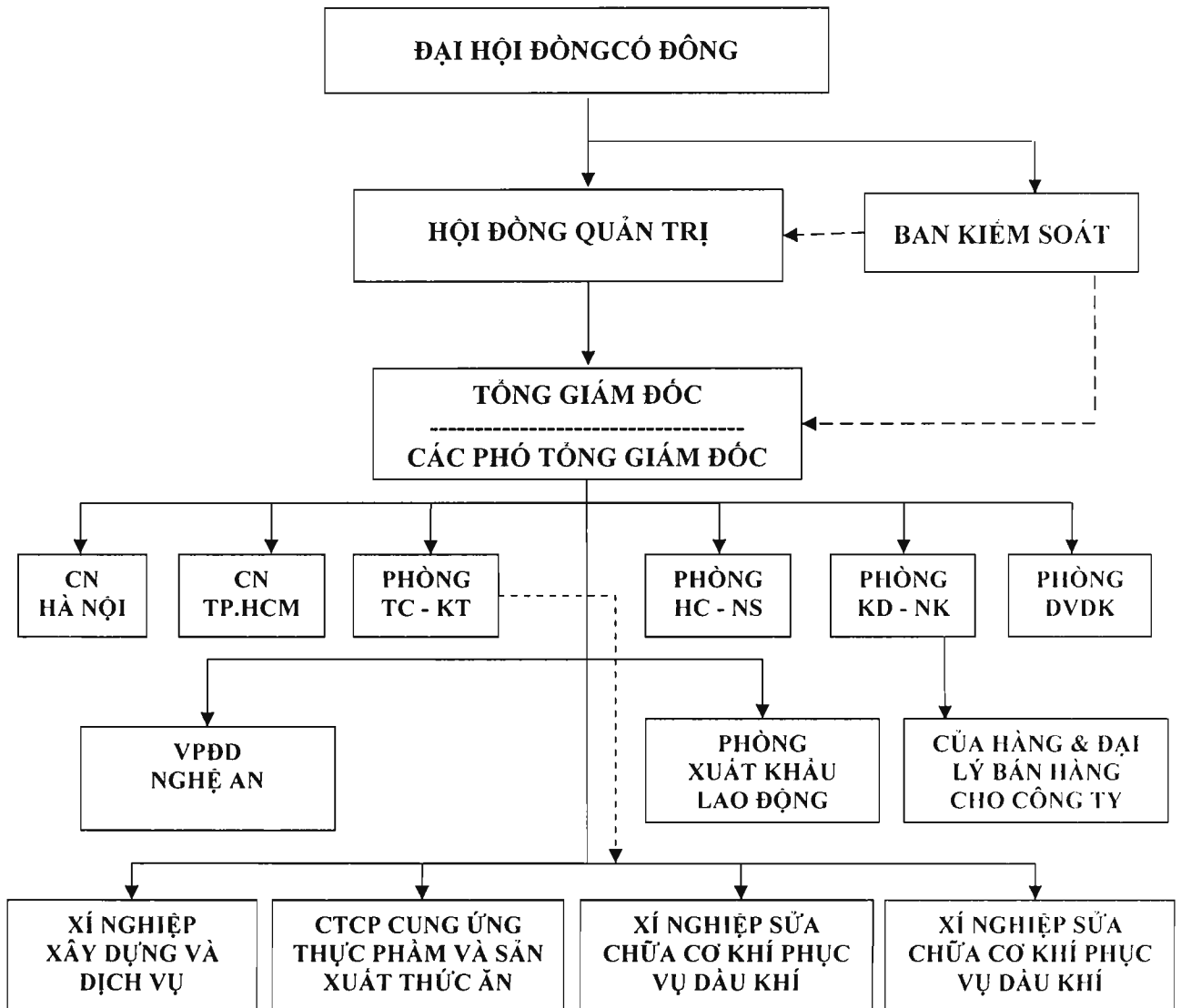
2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Công ty cổ phần Thương mại tổng hợp Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu được tổ chức và điều hành theo mô hình Công ty cổ phần, tuân thủ theo:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội khóa X thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản hướng dẫn;
- Luật và các quy định khác có liên quan;
- Điều lệ của Công ty cổ phần Thương mại tổng hợp Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty chi tiết được thể hiện theo sơ đồ sau:

HÌNH 1: SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY



Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ): ĐHĐCĐ gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. ĐHĐCĐ có trách nhiệm thảo luận và phê chuẩn định hướng phát triển Công ty, quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần từng loại được quyền chào bán, quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần, những chính sách dài hạn và ngắn hạn về phát triển của Công ty, quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; quyết định về cơ cấu vốn và bầu ra bộ máy quản lý của Công ty...

Hội đồng quản trị: HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có quyền nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Nhiệm kỳ tối đa của HĐQT là năm (5) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Số lượng thành viên HĐQT Công ty là 5 thành viên. HĐQT của Công ty hiện gồm 5 thành viên, cụ thể như sau:

| | |
|------------------------|--|
| Ông Trần Ngọc Trinh | – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc |
| Ông Phạm Đình Sáng | – Thành viên HĐQT |
| Bà Nguyễn Thị Kim Dung | – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Lê Trọng Đạt | – Thành viên HĐQT |
| Ông Vũ Công Trình | – Thành viên HĐQT |

HĐQT có trách nhiệm và quyền hạn:

- Quyết định chiến lược phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Quyết định huy động thêm vốn dưới hình thức khác;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy, quy chế hoạt động của Công ty;
- Bổ nhiệm, bãi nhiệm và giám sát hoạt động của Giám đốc và các chức danh quản lý khác trong Công ty;
- Quyết định triệu tập ĐHĐCĐ;
- Các nhiệm vụ khác do Điều lệ Công ty quy định.

Ban kiểm soát: BKS do ĐHĐCĐ bầu ra, thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông. BKS gồm 03 thành viên với nhiệm kỳ là 05 năm.

BKS bao gồm ba (03) thành viên, trong đó ít nhất một thành viên có chuyên môn về kế toán, do ĐHĐCĐ bầu và bãi nhiệm. BKS hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Giám đốc.

Ban kiểm soát hiện hành bao gồm các thành viên:

| | |
|--------------------|------------------|
| Bà Lương Thị Đây | – Trưởng BKS |
| Bà Bùi Thị Hải | – Thành viên BKS |
| Ông Phạm Đăng Ninh | – Thành viên BKS |

BKS có nhiệm vụ và quyền hạn:

- Thực hiện giám sát HĐQT, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty;
- Kiểm tra tính hợp lý, pháp lý, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong công tác tổ chức kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc: Ban Tổng giám đốc Công ty cổ phần Thương mại tổng hợp Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bao gồm Tổng giám đốc và một số Phó Tổng giám đốc do HĐQT bổ nhiệm. Ban Tổng giám đốc là cơ quan quản lý hoạt động hàng ngày của Công ty. Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của HĐQT.

Giám đốc Công ty có quyền hạn và nhiệm vụ:

- Thực hiện các NQ của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
- Quyết định định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, các chuyên gia, tư vấn, trừ các chức danh do HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm cách chức;
- Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong công ty;
- Quyết định sử dụng đúng mục đích quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty;
- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và của Công ty

Các phòng ban trong Công ty: Các phòng ban quản lý: thực hiện công việc chức năng theo chuyên môn, được xây dựng theo cơ cấu tinh giản, gọn nhẹ nhưng vẫn đảm bảo cho việc quản lý, tổ chức, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo chỉ đạo của Ban Giám đốc đạt hiệu quả, năng suất hoạt động cao.

3. Hoạt động kinh doanh của Công ty

Dịch vụ CATERING trọn gói: Dịch vụ Catering và cung cấp lương thực, thực phẩm, lao vụ.

Cung ứng lao động kỹ thuật và khảo sát sửa chữa cơ khí tàu biển giàn khoan.

Xây dựng công trình, đầu tư bất động sản.

Xuất nhập khẩu kinh doanh các mặt hàng có xuất xứ từ Singapore, Nhật Bản, Ấn Độ và Trung Quốc như hạt xỉ đồng, hạt sắt, hạt mài và hạt Garnet sand.

Xuất khẩu lao động.

4. Doanh thu, lợi nhuận của Công ty qua các năm

4.1. Doanh thu

Bảng 4: Tăng trưởng doanh thu qua các năm

ĐVT: đồng

| Chỉ tiêu | 2014 | 2015 | Quý II/2016 |
|-----------------|-----------------|-----------------|----------------|
| Doanh thu thuần | 239.075.548.637 | 167.116.457.687 | 91.144.253.965 |
| % tăng trưởng | 127,83% | -30,10% | -45,46% |

Nguồn: BCTC năm 2014, 2015 đã kiểm toán và BCTC Quý II năm 2016 của Công ty

❖ Cơ cấu doanh thu:

Bảng 5: Doanh thu các hoạt động kinh doanh của GETRACO

ĐVT: đồng

| TT | Chi tiết | Năm 2014 | | Năm 2015 | | Quý II/2016 | |
|------------------|--|------------------------|-------------|------------------------|-------------|-----------------------|-------------|
| | | Doanh thu | Tỷ trọng | Doanh thu | Tỷ trọng | Doanh thu | Tỷ trọng |
| 1 | Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | 239.075.548.637 | 98,99% | 167.116.457.687 | 99,25% | 91.144.253.965 | 99,75% |
| 2 | Doanh thu hoạt động tài chính | 768.833.466 | 0,32% | 100.608.004 | 0,06% | 172.907.676 | 0,19% |
| 3 | Doanh thu khác | 1.670.134.197 | 0,69% | 1.169.200.714 | 0,69% | 60.000.000 | 0,07% |
| Tổng cộng | | 241.514.516.300 | 100% | 168.386.266.405 | 100% | 91.377.161.641 | 100% |

Nguồn: BCTC năm 2014, 2015 đã kiểm toán và BCTC Quý II năm 2016 của Công ty

Trong cơ cấu doanh thu của Công ty, doanh thu thuần luôn chiếm một tỷ lệ chi phối trong tổng doanh thu của Công ty với tỷ trọng trên 98%. Bên cạnh đó, hoạt động đầu tư tài chính và các nguồn thu nhập khác không mang lại những thu nhập đáng kể cho Công ty.

❖ Cơ cấu chi phí

Bảng 6: Tỷ trọng các khoản mục chi phí của Công ty so với Tổng doanh thu

Đơn vị tính: đồng

| TT | Yếu tố chi phí | Năm 2014 | | Năm 2015 | | Quý II/2016 | |
|---------------------|-------------------|------------------------|---------------|------------------------|---------------|-----------------------|---------------|
| | | Giá trị | %/DT | Giá trị | %/DT | Giá trị | %/DT |
| 1 | Giá vốn hàng bán | 212.047.146.569 | 87,80% | 140.361.689.900 | 83,36% | 80.520.490.594 | 88,12% |
| 2 | Chi phí tài chính | 5.898.670.909 | 2,44% | 4.129.223.656 | 2,45% | 1.090.774.146 | 1,19% |
| 3 | Chi phí bán hàng | 48.126.750 | 0,02% | 21.451.180 | 0,01% | 0 | 0,00% |
| 4 | Chi phí QLDN | 13.652.512.203 | 5,65% | 15.888.612.937 | 9,44% | 7.671.543.821 | 8,40% |
| Tổng chi phí | | 231.646.456.431 | 95,91% | 160.400.977.673 | 95,26% | 89.282.808.561 | 97,71% |

Nguồn: BCTC 2015 đã kiểm toán và BCTC Quý II năm 2016 của Công ty

Trong cơ cấu chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thì Giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng cao nhất và dao động trong khoảng 83%- 88%/ Tổng doanh thu, tiếp đến là Chi phí Quản lý doanh nghiệp với tỷ trọng tương đối cao khoảng từ 5.65% - 9,44%. Chi phí tài chính và chi phí bán hàng chiếm giữ tỷ trọng không đáng kể. Xét về tổng thể, mức chi phí của Công ty so với Tổng doanh thu đạt được trong kỳ là khá cao (xấp xỉ 95,3% - 97,7%).

4.2. Lợi nhuận của Công ty qua các năm

Bảng 07: Lợi nhuận sau thuế và tỷ suất sinh lợi trên doanh thu thuần

DVT: đồng

| Chỉ tiêu | 2014 | 2015 | Quý II/2016 |
|-----------------|-----------------|-----------------|----------------|
| Doanh thu thuần | 239.075.548.637 | 167.116.457.687 | 91.144.253.965 |
| LN sau thuế | 5.594.306.116 | 5.808.448.423 | 1.670.825.664 |
| % LNST/DTT | 2,34% | 3,48% | 1,83% |

Nguồn: BCTC 2014, 2015 đã kiểm toán và BCTC Quý II năm 2016 của Công ty

5. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền, tiêu chuẩn chất lượng

Công ty đang sử dụng logo sau để làm thương hiệu cho mọi hoạt động kinh doanh và truyền thông của Công ty:



Logo của Công ty chưa được đăng ký bảo hộ nhãn hiệu thương mại tại Cục sở hữu trí tuệ.

6. Hoạt động tiếp thị, quảng bá thương hiệu

Getraco đang từng bước xây dựng thương hiệu trên cơ sở hiệu quả chất lượng sản phẩm dịch vụ cung cấp cho khách hàng. Ý thức được tầm quan trọng của chất lượng thương hiệu Công ty đang từng bước xây dựng nền tảng vững chắc cho sự hình thành một thương hiệu có tính bền vững đi cùng với chất lượng hoàn hảo.

7. Trình độ công nghệ

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực dịch vụ nên không ứng dụng nhiều công nghệ trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

8. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ

Chất lượng dịch vụ và các sản phẩm Công ty cung cấp luôn được đánh giá cao trong thời gian qua, điều này còn được khẳng định thông qua chứng chỉ đạt được là: Chứng chỉ hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000 được cấp năm 2005.

9. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giai đoạn 2013 – Quý II/2016

Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh qua các năm:

Bảng 08: Một số chỉ tiêu về kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty

ĐVT: Đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2013 | Năm 2014 | Năm 2015 | Quý II/2016 |
|----------------------------|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| Tổng tài sản | 293.015.381.670 | 259.829.832.019 | 208.458.977.538 | 197.392.190.684 |
| Vốn chủ sở hữu | 30.929.148.894 | 34.805.420.226 | 35.008.778.549 | 36.679.604.213 |
| Vốn điều lệ | 27191960000 | 30135541745 | 30135540000 | 30135540000 |
| Doanh thu thuần | 104.936.915.876 | 239.075.548.637 | 167.116.457.687 | 91.144.253.965 |
| Lợi nhuận gộp | 21.450.924.923 | 27.028.402.068 | 26.754.767.787 | 10.623.763.371 |
| LN sau thuế | 5.139.918.857 | 5.594.306.116 | 5.808.448.423 | 1.670.825.664 |
| Tổng nợ phải trả | 262.086.232.776 | 225.024.411.793 | 173.450.198.989 | 160.712.586.471 |
| Nợ/Tổng tài sản (%) | 89,37% | 88,11% | 85,09% | 82,34% |
| Tỷ suất Lợi nhuận gộp (%) | 20,44% | 11,31% | 16,01% | 11,66% |
| Tỷ suất Lợi nhuận ròng (%) | 4,90% | 2,34% | 3,48% | 1,83% |
| ROA (%) | 1,75% | 2,02% | 2,48% | 0,82% |
| ROE (%) | 16,48% | 17,02% | 16,64% | 4,66% |
| BV (đồng) | 11.374 | 11.550 | 11.617 | 12.172 |
| EPS (đồng) | 1.890 | 1.856 | 1.927 | 554 |

Nguồn: BCTC kiểm toán 2014, 2015, BCTC Quý II/2016, DAS tổng hợp

10. Phân tích SWOT

❖ Điểm mạnh

- Đội ngũ lãnh đạo có năng lực, tâm huyết với Công ty, nhạy bén với thị trường. Bên cạnh đó, đội ngũ CBCNV có trình độ chuyên môn cao, đoàn kết đáp ứng tốt các yêu cầu đòi hỏi của thị trường.
- Công tác Dịch vụ Catering gia tăng chất lượng phục vụ cùng số lượng các dân khoan tạo thành lĩnh vực kinh doanh mũi nhọn của công ty.
- Công ty hoạt động đa lĩnh vực nên có sự hỗ trợ nhau trong hoạt động kinh doanh, thích ứng nhanh với những thay đổi của nền kinh tế thị trường.

❖ Điểm yếu

- Với lĩnh vực đầu tư hoạt động kinh doanh đa dạng, đầu tư vào lĩnh vực bất động sản Công ty cần có tiềm lực về tài chính lớn, tuy nhiên với quy mô vốn nhỏ như hiện nay sẽ trở thành những trở ngại lớn trong hoạt động kinh doanh.
- Cạnh tranh trong các lĩnh vực mà công ty mới tham gia như xây dựng, bất động sản là rất lớn, nguồn nhân lực và kinh nghiệm là chưa nhiều.
- Công ty có cơ cấu vốn vay cao làm gia tăng chi phí lãi vay hàng năm rất lớn, khó khăn hơn cho Công ty trong tình hình lạm phát còn cao như hiện nay...

❖ Cơ hội

- Thị trường bất động sản đang có dấu hiệu dần phục hồi sau thời gian trầm lắng.
- Ngành dầu khí nước ta còn nhiều tiềm năng phát triển, trong thời gian tới số lượng các giàn khoan mới sẽ gia tăng đây sẽ là những cơ hội cho hoạt động kinh doanh của công ty.

❖ Thách thức

- Sự đa dạng hoá các lĩnh vực kinh doanh bên cạnh tiềm lực tài chính lớn mạnh cũng cần có đội ngũ cán bộ có kinh nghiệm lâu năm trong những ngành những lĩnh vực tham gia.
- Sự cạnh tranh ngày càng lớn từ các công ty trong ngành cũng như các tập đoàn công ty lớn trong và ngoài nước.
- Sự biến động liên tục các yếu tố vĩ mô nền kinh tế không mang tính chu kỳ mà suất hiện ngày càng nhiều với tần suất nhiều hơn khó dự đoán hơn.
- Biến động khó lường của giá dầu thời gian gần đây đang là thách thức lớn nhất đối với tiềm năng phát triển của Công ty.

11. Triển vọng phát triển của ngành

GETRACO hoạt động trong lĩnh vực hỗ trợ cho ngành dầu khí với các dịch vụ Catering, cung cấp nguyên vật liệu và xây dựng công trình trong ngành dầu khí nói chung. Do đó sự phát triển của ngành dầu khí chính là nhân tố ảnh hưởng tác động trực tiếp đến xu hướng phát triển của Công ty. Trong chiến lược và quy hoạch phát triển của ngành dầu khí từ nay đến năm 2020 thì tiềm năng của các dự án dầu khí và lĩnh vực năng lượng của Việt Nam vẫn còn rất lớn. Ngoài ra, trong giai đoạn 2011-2015, PetroVietnam sẽ đầu tư vào 25 dự án thăm dò khai thác, phát triển dầu khí với mức đầu tư 2.35 tỷ USD tại Nga, các nước Liên Xô cũ, Venezuela và các nước châu Mỹ Latin. Bắc Phi... PetroVietnam dự kiến gia tăng trữ lượng dầu khí tại nước ngoài đạt 10-15 triệu tấn/năm, sản lượng khai thác đạt 2-3 triệu tấn/năm.

Thị trường bất động sản giai đoạn trước trầm lắng và suy yếu bởi những ảnh hưởng bất lợi từ tình hình chung của nền kinh tế thế giới, chính sách vĩ mô trong nước, tuy nhiên bất động sản được xem là đang hồi phục và có dấu hiệu hồi phục rõ rệt từ năm 2015. Theo thống kê, năm 2015, trên cả hai thị trường BĐS lớn là Hà Nội và TP.HCM

đã có khoảng 38.000 giao dịch thành công, tăng gần gấp đôi so với 2014. Bên cạnh sự khởi sắc chung của nền kinh tế khi GDP năm 2015 chạm mốc tăng cao nhất trong 8 năm, ngành Bất động sản mang tín hiệu ấm dần rõ nét, tốc độ đô thị hóa nhanh chóng cùng với mức gia tăng thu nhập của người dân sẽ là nguồn cung lớn cho lĩnh vực kinh doanh này và là động lực để hoạt động xây dựng phát triển mạnh mẽ hơn. Hơn nữa, với cơ cấu dân số đa dạng nên cũng tạo nhiều phân khúc thị trường bất động sản để các doanh nghiệp khai thác.

12. Chính sách đối với người lao động

12.1. Cơ cấu lao động tại 20/07/2016

Tính đến thời điểm 20/07/2016, tổng số lao động của Công ty là 215 người.

Bảng 09: Cơ cấu lao động

| STT | Chức vụ | Số lượng (người) | Tỷ lệ (%) |
|-----|-----------------------|------------------|-----------|
| 1 | Trên đại học, đại học | 61 | 28,37 % |
| 2 | Cao đẳng | | |
| 3 | Trung cấp | 129 | 60,00 % |
| 4 | Lao động phổ thông | 25 | 11,63 % |

Nguồn: GETRACO

12.2. Chính sách tiền lương, thưởng, trợ cấp, phúc lợi

Những năm gần đây tuy bị ảnh hưởng do khủng hoảng tài chính toàn cầu, nhưng với sự năng động nhạy bén của lãnh đạo công ty trong việc định hướng phát triển sản xuất kinh doanh, khai thác mở rộng thị trường nên Công ty vẫn có kết quả kinh doanh tốt. Công ty thực hiện rất tốt việc chăm lo đời sống vật chất tinh thần cho người lao động, đã đảm bảo việc làm ổn định cho gần 200 lao động với mức lương bình quân 7,5 triệu đồng/người/tháng (kế hoạch 5 triệu đồng/người/tháng), chế độ thưởng lễ tết khá cao, cải thiện đáng kể đời sống cho CBCNV.

Công ty tạo điều kiện cho người lao động được làm việc trong một môi trường tốt nhất, đã đầu tư khá đầy đủ trang thiết bị phục vụ làm việc, 100% người lao động được ký kết hợp đồng lao động, được trích nộp bảo hiểm xã hội kịp thời, đầy đủ.

Trong năm, Công ty đã chi gần 200 triệu đồng để trang bị BHLĐ và trích quỹ phúc lợi trên 305 triệu đồng để tổ chức cho CBCNV đi tham quan, nghỉ mát. Công ty chú trọng đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, bồi dưỡng kiến thức về quản lý, hội nhập cho CBCNV, rèn luyện đội ngũ CBCNV làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, tác phong khẩn trương, chuyên nghiệp theo đúng cơ chế cổ phần.

12.3. Chính sách đào tạo và tuyển dụng

Để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho CBCNV đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ của thời kỳ hội nhập, công ty luôn chủ động thực hiện công tác đào tạo và tự đào tạo, cử CBCNV đi học các lớp nghiệp vụ, kỹ năng quản lý, kỹ năng quản trị kinh doanh, ngoại ngữ, ... để nâng cao trình độ, phục vụ tốt công tác được giao. Đặc biệt quan tâm đến công tác đào tạo cán bộ kế cận, thực hiện chương trình quản lý chất lượng ISO 9001-2008.

12.4. Các hoạt động đoàn thể xã hội

Công ty có tổ chức đảng, công đoàn và phụ nữ, các tổ chức này luôn được công ty tạo điều kiện hoạt động. Đảng ủy công ty hàng năm luôn đạt thành tích là đảng bộ trong sạch tiêu biểu, được Tỉnh ủy công nhận là đảng bộ tiêu biểu 5 năm liên tục. Tổ chức công đoàn hàng năm đạt danh hiệu công đoàn cơ sở vững mạnh hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được Liên đoàn Lao động tỉnh tặng cờ. Công đoàn của công ty luôn giành các giải nhất hội thi về văn nghệ thể dục - thể thao như: thi nấu ăn, cắm hoa, thi tuyên truyền viên giỏi, thi bóng đá, thi hát ... Tổ chức công đoàn luôn thể hiện vai trò là nơi chăm lo quyền lợi cho CB-CNV. Trong 05 năm công đoàn đã giới thiệu cho công ty kết nạp được 10 đảng viên mới.

Ngoài việc chăm lo cho CBCNV, công ty còn tích cực tham gia các hoạt động xã hội vì cộng đồng. Nhiều năm qua, công ty đã làm rất tốt hoạt động từ thiện xã hội thông qua đóng góp các loại quỹ xã hội từ thiện do nhà nước và các tổ chức đoàn thể chính trị phát động như: Quỹ xóa đói giảm nghèo, quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ tình nghĩa tình thương, quỹ vì tương lai con em chúng ta, xây nhà đại đoàn kết, nhà mái ấm công đoàn ... Với sự cảm thông sâu sắc trước mất mát của các gia đình khó khăn, bị thiên tai bị nạn, chưa chờ phát động, lãnh đạo công ty đã chủ động trích quỹ phúc lợi và kêu gọi CBCNV, người lao động đóng góp ủng hộ kịp thời. Năm 2010, tổng số tiền cho hoạt động từ thiện của công ty lên đến 277,3 triệu đồng. Năm 2011 đóng góp 160 triệu đồng.

Với những kết quả đạt được như trên, trong thời điểm khủng hoảng kinh tế toàn cầu đã cho thấy sự nỗ lực không ngừng của Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV công ty.

Bên cạnh đó, với những mục tiêu phát triển, biện pháp kinh doanh của lãnh đạo công ty là đường lối để toàn thể CBCNV định hướng và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

13. Chính sách cổ tức

Công ty chi trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và ngay khi trả hết cổ tức đã định, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn trả. ĐHCĐ thường niên sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức chi trả cho cổ đông dựa trên đề xuất của HĐQT và sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội cổ đông.

Bảng 10: Tình hình chi trả cổ tức của Công ty qua các năm

| Nội dung | Năm 2012 | Năm 2013 | Năm 2014 | Năm 2015 |
|------------------|----------|----------|----------|----------|
| Tỷ lệ trả cổ tức | 15% | 12% | 12% | 10% |

14. Tình hình tài chính**14.1. Các chỉ tiêu cơ bản**

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam theo Thông tư số 200/2014/TT – BTC của Bộ Tài Chính ban hành ngày 22/12/2014 và các chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành.

14.1.1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

14.1.2. Trích khấu hao TSCĐ

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Quyết định 45/2013/QĐ/BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính. Thời gian tính khấu hao cho các nhóm tài sản của Công ty như sau:

| Nhóm Tài sản cố định | Số năm khấu hao |
|--------------------------------|-----------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 25 năm |
| Máy móc thiết bị | 05 - 08 năm |
| Phương tiện vận tải truyền dẫn | 13 năm |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 05 - 08 năm |

14.1.3. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và khoản vay, không có nợ quá hạn.

14.1.4. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp các khoản thuế: thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và các khoản phải nộp Nhà nước khác theo luật định.

14.1.5. Trích lập các quỹ theo luật định

Tỷ lệ trích lập các quỹ hàng năm do Hội đồng quản trị đề xuất và trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Số dư các quỹ tại mỗi thời điểm như sau:

Đơn vị tư vấn

Bảng 11: Số dư các quỹ tại mỗi thời điểm

Đơn vị tính: đồng

| CHI TIÊU | 31/12/2013 | 31/12/2014 | 30/12/2015 | Quý II/2016 |
|---------------------------|-------------|-------------|-------------|-----------------|
| Quỹ đầu tư phát triển | - | - | - | - |
| Quỹ dự phòng tài chính | 256.995.943 | 536.711.249 | - | - |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 842.463.700 | 680.842.895 | 368.011.001 | (1.230.855.999) |

Nguồn: BCTC 2013, 2014, 2015 đã kiểm toán và BCTC Quý II năm 2016 của Công ty

14.1.6. Tình hình công nợ

Bảng 12: Các khoản phải thu

Đơn vị tính: đồng

| CHI TIÊU | 31/12/2014 | 31/12/2015 | Quý II/2016 |
|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Phải thu ngắn hạn | 84.827.302.784 | 46.507.553.635 | 49.293.989.529 |
| Phải thu khách hàng | 74.473.885.530 | 33.328.898.526 | 38.887.558.335 |
| Trả trước cho người bán | 10.070.079.744 | 9.221.562.855 | 9.080.796.855 |
| Phải thu nội bộ | - | 6.171.315 | 6.171.315 |
| Các khoản phải thu khác | 283.337.510 | 3.950.920.939 | 1.319.463.024 |
| Dự phòng các khoản phải thu khó đòi | - | - | - |
| Phải thu dài hạn | - | 1.070.000.000 | 1.070.000.000 |

Nguồn: BCTC 2014, 2015 đã kiểm toán và BCTC Quý II năm 2016 của Công ty

Bảng 13: Chi tiết các khoản phải trả qua các năm của Công ty

Đơn vị tính: đồng

| CHI TIÊU | 31/12/2014 | 31/12/2015 | Quý II/2016 |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|
| I. Nợ ngắn hạn | 162.178.191.815 | 126.454.954.211 | 119.725.485.669 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 52.944.666.213 | 27.041.724.083 | 23.965.604.690 |
| 2. Phải trả người bán | 43.335.942.585 | 46.339.249.495 | 49.012.055.295 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 31.966.439.970 | 11.086.764.978 | 8.709.681.759 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 10.365.042.297 | 7.897.047.919 | 8.214.820.433 |
| 5. Phải trả công nhân viên | 1.412.152.407 | 985.309.812 | 0 |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 0 | 6671852799 | 6671852799 |
| 7. Các khoản phải trả, phải nộp khác | 21.473.105.448 | 26.064.994.124 | 24.382.326.692 |
| 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 680.842.895 | 368.011.001 | (1.230.855.999) |

Đơn vị tư vấn

| | | | |
|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| II. Nợ dài hạn | 62.846.219.978 | 46.995.244.778 | 40.987.100.802 |
| 1. Phải trả dài hạn khác | 4.336.774.311 | 4.353.774.311 | 4.095.744.311 |
| 2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 58.509.445.667 | 42.641.470.467 | 36.891.356.491 |

Nguồn: BCTC 2014, 2015 đã kiểm toán và BCTC Quý II năm 2016 của Công ty

14.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Nhìn chung, trước những biến động của nền kinh tế trong nước và nước ngoài tình hình hoạt động của Công ty cũng bị ảnh hưởng nhất định, cụ thể:

Bảng 14: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| CHI TIÊU | Đơn vị | Năm 2014 | Năm 2015 | Quý II/2016 | Quý I/2016 |
|--|---------|----------|----------|-------------|------------|
| Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | | | |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn | Lần | 1,73 | 1,49 | 1,51 | 1,48 |
| Hệ số thanh toán nhanh | Lần | 0,37 | 0,53 | 0,40 | 0,42 |
| Hệ số thanh toán bằng tiền | Lần | 0,01 | 0,00 | 0,03 | 0,005 |
| Chỉ tiêu đòn bẩy tài chính | | | | | |
| Hệ số nợ/Tổng tài sản | Lần | 0,89 | 0,87 | 0,83 | 0,81 |
| Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu | Lần | 8,47 | 6,47 | 4,95 | 4,38 |
| Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | | | |
| Vòng quay tổng tài sản | Vòng | 0,36 | 0,86 | 0,71 | 0,45 |
| Vòng quay các khoản phải thu | Vòng | 2,04 | 3,48 | 2,54 | 1,90 |
| Vòng quay TSCĐ | Vòng | 4,57 | 15,76 | 20,11 | 9,57 |
| Vòng quay các khoản phải trả | Vòng | 0,32 | 0,87 | 0,70 | 0,48 |
| Vòng quay hàng tồn kho | Vòng | 0,43 | 1,22 | 0,96 | 0,60 |
| Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | | | |
| Hệ số LNST/DTT | % | 4,90% | 2,34% | 3,48% | 1,83% |
| Hệ số LN gộp/DTT | % | 20,44% | 11,31% | 16,01% | 11,66% |
| Hệ số LN từ HĐKD/DTT | % | 6,33% | 3,43% | 4,08% | 2,23% |
| Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu (ROE) | % | 16,48% | 17,02% | 16,64% | 4,66% |
| Hệ số LNST/Tổng tài sản (ROA) | % | 1,75% | 2,02% | 2,48% | 0,82% |
| Thu nhập trên mỗi cổ phần | Đồng/CP | 1.890 | 1.856 | 1.927 | 554 |
| Giá trị sổ sách của cổ phần | Đồng/CP | 11.374 | 11.550 | 11.617 | 12.172 |

Nguồn: GETRACO

+ **Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:** Các chỉ số thanh toán ổn định qua các năm. Hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty được duy trì trên 1,48 cho thấy Công ty đang chủ động đề phòng nguy cơ mất khả năng thanh toán. Hệ số thanh toán nhanh và hệ số thanh toán bằng tiền duy trì ở mức thấp, cho thấy Công ty đang chứa lượng lớn hàng tồn kho.

+ **Chỉ tiêu về đòn bẩy tài chính:** Công ty đang sử dụng tỷ lệ nợ cao trong cơ cấu vốn của mình, tuy nhiên chủ yếu là các khoản chi phí phải trả và phải trả người bán, cho thấy công ty đang chiếm dụng vốn của các nhà cung cấp, điều này có thể giúp công ty thu lợi từ tiền của họ nhưng lại khá phụ thuộc vào các khoản nợ ngắn hạn này. Nhìn chung, Công ty đang có xu hướng gia giảm tỷ lệ nợ ngắn hạn trong cơ cấu vốn.

+ **Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:** Vòng quay Tổng tài sản, vòng quay tài sản cố định của Công ty có xu hướng giảm dần điều này chứng tỏ Công ty đang sử dụng kém hiệu quả tài sản của Công ty, các tài sản cố định của Công ty không được sử dụng tối đa công suất. Vòng quay khoản phải thu giảm dần qua các năm, Công ty đang thắt chặt chính sách tín dụng đối với khách hàng. Vòng quay hàng tồn kho giảm dần qua các năm chứng tỏ Công ty đang tồn đọng lượng lớn hàng tồn kho.

+ **Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi:** Tỷ suất sinh lợi của Công ty có xu hướng giảm nhẹ trong thời gian qua, ROE tăng từ 16,48% năm 2013 lên 16,64% trong năm 2015. Tương tự, ROA cũng có xu hướng tăng đều qua các năm từ 1,75% đến 2,48%.

15. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát

15.1. Hội đồng quản trị

Bảng 15: Danh sách thành viên hội đồng quản trị

| STT | Họ và Tên | Chức vụ | Số cổ phiếu năm giữ (20/07/2015) | Tỷ lệ (%) |
|-----|------------------------|-----------------|--|-----------|
| 1 | Ông Trần Ngọc Trinh | Chủ tịch HĐQT | 573.920 | 19,04 % |
| 2 | Ông Phạm Đình Sáng | Thành viên HĐQT | 6.901 | 0,23 % |
| 3 | Bà Nguyễn Thị Kim Dung | Thành viên HĐQT | 36.199 | 1,20 % |
| 4 | Ông Lê Trọng Đạt | Thành viên HĐQT | 51.917 | 1,72 % |
| 5 | Ông Vũ Công Trình | Thành viên HĐQT | 188.823 | 6,27 % |

15.2. Ban Giám đốc, Kế toán trưởng

Bảng 16: Danh sách Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

| STT | Họ và Tên | Chức vụ | Số cổ phiếu năm giữ | Tỷ lệ (%) |
|-----|------------------------|-------------------|------------------------|-----------|
| 1 | Ông Trần Ngọc Trinh | Tổng Giám đốc | 573.920 | 19,04 % |
| 2 | Bà Nguyễn Thị Kim Dung | Phó Tổng Giám đốc | 36.199 | 1,20 % |
| 3 | Ông Trần Văn Minh | Phó Tổng Giám đốc | 33.000 | 1,1 % |

Đơn vị tư vấn

| | | | | |
|---|-----------------------|-------------------|--------|--------|
| 4 | Ông Nguyễn Văn Chương | Phó Tổng Giám đốc | 58.295 | 1,93 % |
| 5 | Bà Nguyễn Thị Lan | Kế toán trưởng | - | - |

15.3. Ban Kiểm soát

Bảng 17: Danh sách Ban kiểm soát

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Số cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ (%) |
|-----|--------------------|----------------------|--------------------|-----------|
| 1 | Bà Lương Thị Đây | Trưởng Ban kiểm soát | 36.723 | 1,22 % |
| 2 | Bà Bùi Thị Hải | Thành viên BKS | 3.000 | 0,10 % |
| 3 | Ông Phạm Đăng Ninh | Thành viên BKS | - | - |

16. Tài sản

Bảng 18: Giá trị Tài sản cố định của Công ty theo BCTC tại ngày 30/06/2016:

| Tài sản | Nguyên giá | Giá trị còn lại |
|---------------------------|----------------|-----------------|
| Nhà cửa, Vật kiến trúc | 5.859.509.087. | 5.026.632.372 |
| Máy móc Thiết bị | 7.222.229.557 | 3.829.078.878 |
| Phương tiện vận tải | 1.767.327.879 | 605.257.600 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 156.563.634 | 13.698.120 |
| Tài sản cố định vô hình | | |
| Tổng Cộng | | |

Nguồn: GETRACO

Bảng 19: Danh mục tài sản cố định tiêu biểu của Công ty tại thời điểm 30/06/2016:

| STT | TÊN TÀI SẢN | SL | NĂM SD | NGUYÊN GIÁ | GIÁ TRỊ CÒN LẠI | TỶ LỆ % CÒN LẠI (C/PG/NG) |
|-----|------------------------------|----|--------|----------------------|----------------------|---------------------------|
| A. | Nhà cửa vật kiến trúc | | | 5.859.509.087 | 5.026.632.372 | 85,79 % |
| 1 | Trại 227 Võ Thị Sáu | | | 2.095.936.235 | 1.352.874.376 | 64,55 % |
| 2 | Văn phòng làm việc 47 Ba Cu | | | 1.195.834.474 | 1.225.041.952 | 102,44% |
| 3 | Nhà xưởng chống mòn 449 | | | 2.567.738.378 | 2.448.716.044 | 95,36 % |

| STT | TÊN TÀI SẢN | SL | NĂM SD | NGUYÊN GIÁ | GIÁ TRỊ CÒN LẠI | TỶ LỆ % CÒN LẠI (GTCL/NG) |
|-----|-----------------------------------|----|--------|---------------|-----------------|---------------------------|
| | Bình Già | | | | | |
| B. | Máy móc thiết bị các loại | 26 | | 7.222.229.557 | 3.829.078.878 | 53,02 % |
| C. | Thiết bị dụng cụ quản lý các loại | 3 | | 156.563.634 | 13.698.120 | 8,75 % |
| D. | Phương tiện vận tải | | | 1.767.327.879 | 605.257.600 | 34,25 % |
| 1 | Xe toyota 12 chỗ | 1 | | 183.600.000 | 99.450.000 | 54,17 % |
| 2 | Xe 7 chỗ captiva | 1 | | 544.331.139 | 152.412.714 | 28,00 % |
| 3 | Xe camry 7 chỗ | 1 | | 1.039.396.740 | 353.394.886 | 34,00% |

Nguồn: GETRACO

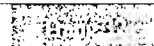
17. Tình hình sử dụng đất đai của Công ty

| TT | Địa điểm | Diện tích (m ²) | Mục đích sử dụng | Tình trạng Pháp lý | Thời hạn sử dụng |
|----|--|-----------------------------|-------------------------|--|------------------|
| 1 | Khu đất tại thị trấn Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc | 2.793,7 | Đất sản xuất kinh doanh | Đất giao | 50 năm |
| 2 | Số 307 đường 30 tháng 4, phường Rạch Dừa, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng | 220 | Đất sản xuất kinh doanh | Đất giao | 50 năm |
| 3 | Phường 12 – Tp. Vũng Tàu | 2090 | Đất sản xuất kinh doanh | Đất giao (Đã có thông báo thu hồi đất của UBND tỉnh) | |

Nguồn: GETRACO

VI. THÔNG TIN VỀ VIỆC BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN**1. Những thông tin cơ bản về cổ phiếu được đấu giá**

- Cổ phần chào bán : **CÔNG TY THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**
- Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng
- Số lượng cổ phần chào bán : 461.716 cổ phần
 - Đấu giá công khai cả lô : 461.716 cổ phần
- Mệnh giá cổ phần : 10.000 đồng
- Giá khởi điểm bán đấu giá : 15.900 đồng/cổ phiếu
- Bước giá : 100 đồng
- Số lượng cổ phần nhà đầu tư cá nhân, pháp nhân đăng ký mua tối thiểu : 461.716 cổ phần
- Số lượng cổ phần mỗi nhà đầu tư cá nhân, pháp nhân được đăng ký mua tối đa : 461.716 cổ phần
- Phát/tiếp nhận Đơn đăng ký tham gia đấu giá và phát Phiếu tham dự đấu giá : - Từ ngày 14/09/2016 đến 16h00 ngày 03/10/2016 tại
Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Đông Á:
 - Hội sở chính: Tầng 2 và tầng 3 tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, P.2, Q.3, Tp.HCM
 - Chi nhánh Hà Nội: 181 Nguyễn Lương Bằng, Quận Đống Đa, Hà Nội
 - Chi nhánh Sài Gòn: Số 60-70 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM
- Nộp tiền cọc : - Từ ngày 14/09/2016 đến 16h00 ngày 03/10/2016
 - Nộp trực tiếp vào tài khoản hoặc chuyển khoản vào tài khoản:
 - Tên tài khoản: Tổng Công ty Đầu tư và Kinh



doanh vốn Nhà nước

- Số Tài khoản: 0011002550086 tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam SGD
 - Nội dung: Họ tên/ Số CMT/Số ĐKKD/ ngày cấp, nơi cấp; Nộp tiền đặt cọc mua 461.716 cổ phần (ghi rõ số lượng, tên cổ phần đăng ký mua)
- Nộp Phiếu tham dự đấu giá : - Nộp trực tiếp hoặc gửi thư đảm bảo qua bưu điện trước 15h ngày 10/10/2016 đến **Chi nhánh Hà Nội - Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á**
- Nộp trực tiếp hoặc gửi thư đảm bảo qua bưu điện trước 16h ngày 11/10/2016 đến **Hội sở và Chi nhánh Sài Gòn - Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á**
- Bỏ phiếu trực tiếp tại buổi đấu giá: từ 15h30 – 16h00 ngày 12/10/2016. Địa chỉ: **Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á**, Tầng 2 và tầng 3 tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, P.2, Q.3, Tp.HCM
- Tổ chức đấu giá : - 15h00 ngày 12/10/2016
- **Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á**
- Địa chỉ: Tầng 2 tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, P.2, Q.3. Tp. HCM
- Nộp tiền mua cổ phần : - Từ ngày 13/10/2016 đến 16h ngày 26/10/2016
- Chuyển khoản hoặc nộp tiền trực tiếp vào Tài khoản:
- Tên tài khoản: Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước
 - Số Tài khoản: 0011002550086
 - Nội dung nộp tiền/chuyển tiền: Họ và tên/Tên tổ chức - Số CMTND/Số ĐKKD (ngày và nơi cấp) - Thanh toán tiền mua 461.716 (ghi rõ số lượng và tên cổ phần mua)
- Thời gian hoàn tiền đặt cọc : Từ ngày 13/10/2016 đến ngày 21/10/2016

2. Thông tin có liên quan đến việc bán cổ phần

Theo Công văn số 205/ĐTKDV – CNPN ngày 17/5/2016 về việc thanh toán công nợ cổ tức về SCIC, Công ty hiện còn nợ SCIC cổ tức của các năm 2013, 2014 số tiền 1.108.118.400. Ngoài ra, cổ tức năm 2015 của Công ty phải trả SCIC theo Nghị quyết ĐHCĐ năm 2016 ngày 24/3/2016 là 461.716.000 đồng. Căn cứ Biên bản đối chiếu công nợ ngày 02/8/2016 giữa SCIC và Công ty, Công ty đã cam kết sẽ thanh toán các khoản cổ tức 2013, 2014 và 2015 cho SCIC theo hình thức trả dần bắt đầu từ tháng 8/2016 và hoàn thành việc thanh toán nợ cổ tức cho SCIC vào tháng 2/2017. Tổng số tiền thanh toán là 1.569.834.400 đồng. Vì vậy, khoản nợ cổ tức nói trên thuộc về SCIC, và nhà đầu tư sau khi mua cổ phần của SCIC tại CTCP Thương mại tổng hợp Bà Rịa – Vũng Tàu sẽ có trách nhiệm chấp nhận nghĩa vụ thanh toán của CTCP Thương mại tổng hợp Bà Rịa – Vũng Tàu đối với khoản nợ cổ tức nói trên cho SCIC.

3. Mục đích của việc chào bán

Mục đích của việc chào bán cổ phần nhằm cơ cấu danh mục đầu tư theo chủ trương thoái vốn đầu tư của SCIC tại các doanh nghiệp mà không cần giữ cổ phần. Việc chào bán cổ phần chỉ làm thay đổi tỷ lệ sở hữu trong cơ cấu cổ đông mà không làm thay đổi mức vốn điều lệ đã đăng ký của Công ty.

4. Địa điểm công bố thông tin

Thông tin cụ thể liên quan đến Tổ chức phát hành gồm Bản công bố thông tin và Quy chế đấu giá và đợt đấu giá được công bố tại:

– **Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Đông Á**

Địa điểm: Tầng 2 và tầng 3 tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 2, quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (08) 3833 6333

Fax: (08) 3835 1919

Tại website: www.dag.vn

– **Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước**

Tại website: www.scic.vn

– **Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu**

Địa chỉ: Số 47 Ba Cu, Phường 01, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

5. Đối tượng tham gia đấu giá và các quy định liên quan

Đối tượng tham gia đấu giá

Là tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, không thuộc các đối tượng bị cấm hoặc hạn chế quyền đầu tư mua cổ phần của các doanh nghiệp tại Việt Nam, cụ thể:

- ❖ **Nhà đầu tư trong nước:** là cá nhân người Việt Nam, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội được thành lập và hoạt động theo luật pháp Việt Nam; Có tư cách pháp nhân (đối với các tổ chức kinh tế); có địa chỉ cụ thể, rõ ràng; Nếu người đại diện pháp nhân thì phải có giấy ủy quyền; Nếu là cá nhân phải có chứng minh nhân dân, giấy tờ tùy thân hợp lệ và có đủ năng lực hành vi dân sự.
- ❖ **Nhà đầu tư nước ngoài:** ngoài các quy định như đối với pháp nhân và cá nhân trong nước, phải mở tài khoản tại các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán đang hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam và tuân thủ pháp luật Việt Nam. Mọi hoạt động liên quan đến mua cổ phần đều phải thông qua tài khoản này.
- ❖ **Các tổ chức tài chính trung gian nhận ủy thác đầu tư:** Trường hợp các tổ chức tài chính trung gian nhận ủy thác đầu tư của cả nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, tổ chức nhận ủy thác đầu tư có trách nhiệm tách biệt rõ số lượng nhà đầu tư, số cổ phần của từng nhà đầu tư trong và ngoài nước đăng ký mua.
- ❖ Mỗi nhà đầu tư được phát một phiếu đấu giá và chỉ được ghi 01 mức giá đặt mua vào Phiếu tham dự đấu giá.

Điều kiện tham gia đấu giá

- ❖ Có Đơn đăng ký tham gia đấu giá theo đúng mẫu và nộp đúng thời hạn quy định.
- ❖ Đặt cọc đủ giá trị cổ phần đăng ký mua tính theo mức giá khởi điểm do Ban tổ chức đấu giá công bố cùng thời điểm nộp Đơn đăng ký tham gia đấu giá.
- ❖ Tuân thủ các quy định của Quy chế đấu giá

6. Nộp Đơn đăng ký tham gia đấu giá

Nhà đầu tư điền đầy đủ thông tin vào đơn đăng ký tham gia đấu giá và nộp tại địa điểm làm thủ tục đăng ký kèm theo xuất trình:

- ❖ **Đối với cá nhân trong nước:**
 - Chứng minh nhân dân (CMND) hoặc hộ chiếu, trường hợp nhận ủy quyền, phải có giấy ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc mẫu đính kèm quy chế này.
 - Giấy nộp tiền hoặc giấy chuyển tiền đặt cọc.
- ❖ **Đối với tổ chức trong nước:**
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ khác tương đương;
 - Giấy ủy quyền cho đại diện thay mặt tổ chức thực hiện thủ tục trừ trường hợp người làm thủ tục là đại diện theo pháp luật của tổ chức;
 - Giấy nộp tiền hoặc giấy chuyển tiền đặt cọc.
- ❖ **Đối với cá nhân và tổ chức nước ngoài:**
 - Hộ chiếu hoặc mã số kinh doanh chứng khoán do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp.

- Giấy xác nhận của Ngân hàng nhà nước về việc mở tài khoản tại một tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán đang hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.
- Giấy ủy quyền (nếu có);
- Giấy nộp tiền hoặc giấy chuyển tiền đặt cọc.

7. Lập và nộp Phiếu tham dự đấu giá

Phiếu tham dự đấu giá hợp lệ là:

- Phiếu do Tổ chức thực hiện bán đấu giá cấp, có đóng dấu treo của nơi cấp phiếu và đảm bảo: điền đầy đủ, rõ ràng các thông tin theo quy định; Phiếu không được tẩy xóa hoặc rách nát; Giá đặt mua không thấp hơn giá khởi điểm và ghi đúng bước giá quy định; Tổng số cổ phần đặt mua bằng mức đăng ký.
- Phiếu tham dự đấu giá phải được bỏ trong phong bì có chữ ký của nhà đầu tư trên mép dán phong bì theo quy định.
- Nếu có sự khác nhau giữa số tiền đặt mua bằng số và số tiền đặt mua bằng chữ thì số tiền đặt mua bằng chữ sẽ được coi là có giá trị.

Bỏ Phiếu tham dự đấu giá kín theo đúng thời hạn quy định.

8. Làm thủ tục chuyển nhượng cổ phần

Ngay sau khi có kết quả đấu giá, kết quả đấu giá sẽ được thông báo tại các địa điểm công bố thông tin và trên cổng thông tin điện tử www.dag.vn và www.scic.vn để các Nhà đầu tư được biết, làm cơ sở để các bên phối hợp, triển khai các thủ tục chuyển nhượng liên quan tới Tổ chức chào bán cổ phần và Tổ chức phát hành.

VII. THAY LỜI KẾT

Bản công bố thông tin được cung cấp nhằm mục đích giúp nhà đầu tư có thể đánh giá chung về tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trước khi đăng ký mua cổ phần. Tuy nhiên, do đợt chào bán này không phải là đợt phát hành/chào bán cổ phiếu của doanh nghiệp để huy động vốn trên thị trường sơ cấp nên Bản công bố thông tin này được chúng tôi xây dựng với khả năng và nỗ lực cao nhất từ các nguồn đáng tin cậy như đã trình bày và mong muốn công bố/Thông báo tới Nhà đầu tư về tình hình doanh nghiệp và các thông tin liên quan đến doanh nghiệp.

Bản công bố thông tin này không bảo đảm rằng đã chứa đựng đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp và chúng tôi cũng không thực hiện phân tích, đưa ra bất kỳ ý kiến đánh giá nào với hàm ý đảm bảo giá trị của cổ phiếu. Do đó, chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư trước khi tham gia đấu giá cần tìm hiểu thêm thông tin về doanh nghiệp, bao gồm nhưng không giới hạn như Điều lệ doanh nghiệp, các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết Hội đồng quản trị, các Báo cáo của Ban Kiểm soát, các Báo cáo tài chính, Báo cáo kiểm toán, tình hình doanh nghiệp... cũng như việc tham gia phải bảo đảm rằng việc đăng ký mua hay thực hiện giao dịch được/sẽ được thanh toán bằng nguồn tiền hợp

pháp, đúng thẩm quyền, đảm bảo các quy định về công bố thông tin, giao dịch của cổ đông lớn, cổ đông nội bộ, tỷ lệ sở hữu, chào mua công khai phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) không chịu trách nhiệm về nội dung cũng như tính chính xác về mặt số liệu của Bản công bố thông tin này.

Chúng tôi khuyến cáo các nhà đầu tư nên tham khảo Bản công bố thông tin này và các nguồn thông tin có liên quan khác trước khi quyết định tham gia đấu giá mua cổ phần.

Trân trọng cảm ơn.

Tp. HCM, ngày 09 tháng 09 năm 2016

Đại diện

**Công ty Cổ phần Thương mại
Tổng hợp Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu**

Tổng Giám đốc



TRẦN NGỌC TRINH

Đại diện

**Công ty TNHH một thành viên
Chứng khoán Ngân hàng Đông Á (DAS)**

Phó Tổng Giám đốc



TRƯƠNG NGUYỄN THIÊN KIM